

Số:292/TB-MNTLH

Cử Chi , ngày 01 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Về Niêm yết công khai tiền làm thêm giờ theo Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 tại Trường Mầm non Trung Lập Hạ
Năm học: 2023 – 2024

Hôm nay, hồi 8 giờ 00 ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Tại Trường Mầm non Trung Lập Hạ.

Chúng tôi gồm:

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Lý Thị Hồng Vân - Phó hiệu trưởng
- Bà Tô Thị Kiều Phương – Chủ tịch công đoàn
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chồi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá
- Ông Đặng Thanh Nhã – Tổ trưởng văn phòng - Kiêm văn thư
- Bà Đỗ Thị Ly – Kế toán

Tiến hành niêm yết công khai tiền làm thêm giờ theo Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 tại Trường Mầm non Trung Lập Hạ
Năm học: 2023 – 2024

Việc niêm yết được thực hiện từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/08/2024 công khai rộng rãi cho cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường biết./.

BỘ PHẬN:

- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ...
- Bà Tô Thị Kiều Phương...
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi...

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Minh Thu

Cử Chi, ngày 01 tháng 8 năm 2024

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai tiền làm thêm giờ theo Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 tại Trường Mầm non Trung Lập Hạ
Năm học: 2023 – 2024**

1. Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 8 năm 2024

2. Địa điểm: Trụ sở Trường Mầm non Trung Lập Hạ

3. Thành phần:

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Lý Thị Hồng Vân - Phó hiệu trưởng
- Bà Tô Thị Kiều Phương – Chủ tịch công đoàn
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chồi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá
- Ông Đặng Thanh Nhã – Phục vụ - Tổ trưởng văn phòng - Kiêm văn thư
- Bà Đỗ Thị Ly – Kế toán

4. Nội dung: Lập biên bản niêm yết công khai tiền làm thêm giờ theo Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005.

(Kèm theo mẫu biểu)

5. Thời gian, địa điểm niêm yết công khai:

Thời gian: 30 ngày, kể từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/08/2024

Địa điểm: Bảng tin tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Công khai: Rộng rãi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động nhà trường được biết.

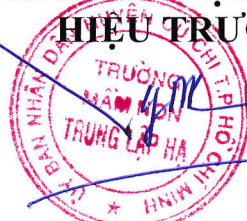
Biên bản được lập xong lúc 08 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 8 năm 2024./.

**TM. BCH CÔNG ĐOÀN
TRƯỜNG MN TRUNG LẬP HẠ
CHỦ TỊCH**



Tô Thị Kiều Phương

**TM. LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh Thu

NGƯỜI NIÊM YẾT

Đặng Thanh Nhã

BẢNG TÍNH TIỀN LƯƠNG 01 GIỜ DẠY THÊM NĂM HỌC 2023 - 2024

- Áp dụng Thông tư số 07/2013/TT-LT-BGDDT-BNV-BTC ngày 08/03/2013; Hướng Dẫn số 1826/HD-GDDT ngày 21/12/2016; Văn bản số 997/NGCBQ-CSPD-NG ngày 30/08/2016 và Thông tư số 48/2011/TT-BGDDT ngày 25/10/2011 quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.
- Lương tối thiểu để tính: 1.800.000 đ

Stt		Họ và tên		Hệ số lương + phụ cấp lương (trước khi nâng lương)										Hệ số lương + phụ cấp lương (sau khi nâng lương)										Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học 2022-2023 sau khi trừ các khoản đóng góp		Tổng định mức giờ dạy/năm		Tiền lương 01 giờ dạy thêm		Số giờ làm thêm		Thanh tiền		Số tiền đã chi		Số tiền thực nhận	
				Hệ số lương + phụ cấp lương (trước khi nâng lương)										Hệ số lương + phụ cấp lương (sau khi nâng lương)																							
				HS lương	Chức vụ	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nhà giáo	Tổng hệ số lương sau khi trừ các khoản đóng góp	PC ưu đãi	Số tháng	Tổng hệ số 1	HS lương	Chức vụ	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nhà giáo	Tổng hệ số lương sau khi trừ các khoản đóng góp	PC ưu đãi	Số tháng	Tổng hệ số 2																		
A	B	1	2	3	4	$5a=(+2+3+4) \times 80,5\%$	$6a=(+2+3) \times 35\%$	7	$8a=(5+6) \times 7$	9	10	11	12	$13a=(9+10+11+12) \times 89,5\%$	$14a=(9+10+11) \times 30\%$	15	$16a=(13+14) \times 15$	$17a=610 \times 1400000$	$18a=400 \times 5$ Zulu	$19a=(17/18) \times 50\%$	20	21	22	23													
1	Nguyễn Thị Minh Thu	4,65	0,50		1,13	5,62	1,8025	8	59,41	4,98	0,50	0%	1,26	6,03	1,918	4	31,80	164.176,042	2.080	118,396	165	19.535,340															
2	Phạm Thị Hồng Nhũ	4,58	0,35		1,13	5,43	1,7255	5	35,76	4,89	0,35	0%	1,21	5,77	1,834	1	7,60	78.058,632	2.080	115,869	150	17.380,350															
	Phạm Thị Hồng Nhũ									4,89	0,35	0%	1,26	5,82	1,834	6	45,90	82,613,002																			
3	Bồ Thị Cẩm Loan	3,65	0,35		0,64	4,15	1,4	3	16,66	3,96	0,35	0%	0,73	4,51	1,5085	2	12,04	51,663,299	867	89,417	59	5.275,603															
4	Trần Thị Hồng Tươi	4,58	0,00		1,05	5,04	1,603	8	53,16	4,58	0,00	0%	1,10	5,08	1,603	4	26,74	143,824,824	2.080	103,720	170	17.632,400															
5	Nguyễn Thị Kim Oanh	4,58	0,00		1,05	5,04	1,603	8	53,16	4,58	0,00	0%	1,10	5,08	1,603	4	26,74	143,824,824	2.080	103,720	77	7.986,440															
6	Võ Tường Duy	4,65	0,00		0,98	5,04	1,6275	10	66,63	4,65	0,00	0%	1,02	5,08	1,6275	2	13,41	144,075,321	2.080	103,900	161	16.727,900															
7	Nguyễn Thị Kiều Nhi	3,03	0,20		0,32	3,18	1,1305	3	12,93	3,34	0,20		0,39	3,52	1,239	9	42,80	100,320,520	2.080	72,347	133	9.622,151															
8	Nguyễn Mai Tiên	2,72			0,16	2,58	0,952	3	10,60	2,72			0,19	2,60	0,952	9	32,01	76,695,595	2.080	55,309	170	9.402,530															
9	Nguyễn Ngọc Oanh	2,72			0,16	2,58	0,952	3	10,60	2,72			0,19	2,60	0,952	9	32,01	76,695,595	2.080	55,309	73	4.037,557															
10	Lê Thị Huyền	2,72	0,20		0,26	2,85	1,022	3	11,61	2,72	0,20		0,29	2,87	1,022	5	19,48	55,971,932	2.080	62,745	165	10.352,925															
	Lê Thị Huyền									3,03	0,20		0,32	3,18	1,1305	4	17,24	31,035,132																			
11	Tô Thị Kiều Phương	2,10			0,11	1,97	0,735	2	5,42	2,41			0,12	2,26	0,8435	10	31,08	65,699,865	2.080	47,380	137	6,491,060															
12	Lê Thị Lê My	2,72			0,27	2,68	0,952	6	21,78	2,72			0,30	2,70	0,952	2	7,31	52,357,334	2.080	58,894	152	8,951,888															
	Lê Thị Lê My									3,03			0,33	3,01	1,0605	4	16,28	29,308,705																			
13	Trần Thị Tuyền	2,10				1,88	0,735	7	18,30	2,41				2,16	0,8435	5	15,00	59,946,750	2.080	43,231	156	6,744,036															
14	Phạm Thị Kim Anh	2,10				1,88	0,735	6	15,69	2,41				2,16	0,8435	6	18,00	60,641,460	2.080	43,732	96	4,198,272															
15	Nguyễn Huỳnh Cẩm Duyên	2,10			0,11	1,97	0,735	4	10,83	2,41			0,12	2,26	0,8435	3	9,32	36,285,827	2.080	46,482	111	5,159,502															
	Nguyễn Huỳnh Cẩm Duyên					0,00	0	0,00	0,00	2,41			0,14	2,29	0,8435	5	15,65	28,168,803																			
16	Nguyễn Thủy Duyên	2,10				1,88	0,735	4	10,46	2,41				2,16	0,8435	8	24,00	62,030,880	2.080	44,734	170	7,604,780															
17	Nguyễn Thị Thủy Kiều	2,41				2,16	0,8435	12	36,01					0,00	0		0,00	64,809,720	2.080	46,738	156	7,291,128															
18	Phạm Thị Ngọc Sang	2,10				1,88	0,735	9	23,53	2,41				2,16	0,8435	3	9,00	58,557,330	2.080	42,229	170	7,178,930															
19	Nguyễn Mai Gia Hân	2,41				2,16	0,8435	12	36,01					0,00	0		0,00	64,809,720	2.080	46,738	156	7,291,128															
20	Nguyễn Thị Hồng Đào	2,10				1,88	0,735	9	23,53	2,41				2,16	0,8435	3	9,00	58,557,330	2.080	42,229	170	7,178,930															

Hệ số lương + phụ cấp lương từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024																									
Stt	Họ và tên	Hệ số lương + phụ cấp lương (trước khi nâng lương)						Hệ số lương + phụ cấp lương (sau khi nâng lương)						Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học 2022-2023 sau khi trừ các khoản đóng góp	Tổng định mức giờ dạy/năm	Tiền lương 01 giờ dạy thêm	Số giờ làm thêm	Thanh tiền	Số tiền đã chi	Số tiền thực nhận					
		HS lương	Chức vụ	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nhà giáo	Tổng hệ số lương sau khi trừ các khoản đóng góp	PC ưu đãi	Số tháng	Tổng hệ số 1	HS lương	Chức vụ	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nhà giáo								Tổng hệ số lương sau khi trừ các khoản đóng góp	PC ưu đãi	Số tháng	Tổng hệ số 2	
A	B	1	2	3	4	$5=\frac{(1+2+3+4)}{4} \times 89,5\%$	$6=\frac{(1+2+3)}{3} \times 35\%$	7	$8=(5+6) \times 7$	9	10	11	12	$13=\frac{(9+10+11+12)}{4} \times 89,5\%$	$14=\frac{(9+10+11)}{3} \times 30\%$	15	$16=\frac{(13+14)}{2} \times 15$	$17=(8+16) \times 1.9000004$	$18=10 \times 5 \times 2000$	$19=\frac{(17/18)}{1} \times 50\%$	20	21	22	23	
21	Trần Thị Như Hào	2,10				1,88	0,735	12	31,37					0,00	0		0,00	56.473.200	2.080	40.726	156	6.353.256			
22	Nguyễn Huỳnh Ngọc Lan	2,10				1,88	0,735	12	31,37					0,00	0		0,00	56.473.200	2.080	40.726	170	6.923.420			
23	Trịnh Thị Thủy	2,1				1,88	0,735	9	23,53	2,41				2,16	0,8435	3	9,00	58.557.330	2.080	42.229	82	3.462.778			
24	Trần Thị Như Thảo	2,1				1,88	0,735	12	31,37					0,00	0		0,00	56.473.200	2.080	40.726	170	6.923.420			
25	Trần Thị Thuỷ Cúc	1,785				1,60	0,6248	8	17,78					0,00	0		0,00	32.001.480	1.387	34.617	121	4.188.657			
26	Nguyễn Thị Đỗ Quyền	3,34				2,99	1,169	3	12,47					0,00	0		0,00	22.454.820	520	64.774	57	3.692.118			
TỔNG CỘNG								3	12,47						0		0,00				3.553	217.586.499		-	-

Người lập biên

[Signature]

Đỗ Thị Quy

Cù Chi, Ngày 30 tháng 07 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG KÊ TIỀN LÀM THÊM GIỜ
TỪ NGÀY 01/09/2023 ĐẾN NGÀY 30/05/2024 (LCS: 1.800.000đ)

Mức lương cơ sở: 1.800.000

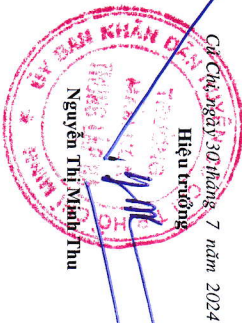
STT	Họ và tên	Hệ số lương	PC CV	PC TNVK	Tổng hệ số	Tiền lương tháng	Mức lương		Làm thêm ngày làm việc		Làm thêm giờ ngày thứ bảy, chủ nhật		Làm thêm ngày lễ, tết		Làm thêm ban đêm		Tổng cộng tiền	Số ngày nghỉ bù		Số tiền thực được thanh toán	Người nhận tiền ký xác nhận
							Ngày	Giờ	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền		Số giờ	Thành tiền		
A	B	1	2	3	4=1+2+3	5=4*MLCS	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=16-18	C
1	Võ Thị Tú Trinh	2,86			2,860	5.148.000	234.000	29.250	161	7.063.875	0	0	0	0	0	0	7.063.875	0	0	7.063.875	chuyển khoản
2	Nguyễn Thị Đỗ Quyên	3,34	0,2		3,540	6.372.000	289.636	36.205	115	6.245.284	0	0	0	0	0	0	6.245.284	0	0	6.245.284	chuyển khoản
Tổng cộng		6,2	0,2	0	6,4	11.520.000	523.636	65.455	276	13.309.159	0	0	0	0	0	0	13.309.159	0	0	13.309.159	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười ba triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, một trăm năm mươi chín đồng
(Kèm theo 01 chứng từ gốc: Bảng tổng hợp làm thêm giờ từ tháng 9/2023 đến tháng 05/2024)

Lập bảng

[Signature]

Đỗ Thị Ly



Nguyễn Thị Minh Thu